

Bản án số: 44/2019/HS-PT
Ngày 22 tháng 7 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái và bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 03/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Trần Văn Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Văn Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1973 và bà Lâm Thị M, sinh năm 1974; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1997 và có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 75/2014/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/8/2018 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q: Ông Nguyễn Văn G, là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV I - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Các bị cáo không có kháng cáo được Tòa án triệu tập:

1. Bị cáo Lê Văn O, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn số 8, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2018 cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Duy L, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2000; nơi cư trú: Thôn số 8, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2018 cho đến nay (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết Trần Văn Q làm nghề quản lý nhân viên phục vụ các quán karaoke nên các chị Quàng Thị X (tức S), Lò Thị V, Lò Thị Y (tức E), Lò Thị P và một chị tên là A (Q không biết địa chỉ cụ thể của P, A) đến gặp Q xin được đi làm nhân viên phục vụ quán hát. Q đồng ý và nhận các chị X, V, Y, P, A vào làm cho Q. Q thuê nhà trọ của anh Tạ Văn B tại thôn Ê, xã H, huyện Đ cho các chị X, V, Y, P và A ăn, ở tại đó. Khi nào khách ở các quán karaoke có nhu cầu gọi nhân viên đến bấm bài và rót bia thì Q sẽ bố trí để X, V, Y, A đến phục vụ. Q thuê Lê Văn O ở thôn 8, xã K, huyện D làm nhiệm vụ đưa đón các nhân viên đi đến các quán hát karaoke khi có khách gọi.

Khoảng 16h00' ngày 11/5/2018, anh Hà Đức V1, sinh năm 1998 ở Xóm D1, xã K1, huyện T1, tỉnh Phú Thọ (là bạn trai của chị X) đến phòng trọ để chơi với chị X. Tại đây anh V1 gặp các chị X, Y, V, P, A, cùng Q, O và Nguyễn Duy L (ở cùng thôn với O và là bạn của Q) đang chơi ở đó. Khi anh V1 đến, chị X xin phép Q cho anh V1 ở lại chơi và nghỉ tại đây thì được Q đồng ý. Khoảng 19h cùng ngày chị X, anh V1 đi thuê nhà nghỉ để ngủ qua đêm (anh V1 chị X không nhớ địa chỉ, tên nhà nghỉ). Đến khoảng 11h00' ngày 12/5/2018, chị X và anh V1 đi về phòng trọ, khi vừa về đến phòng thì chị Y hỏi mượn điện thoại Iphone 5 của anh V1 để nghe nhạc, anh V1 đồng ý và đưa điện thoại cho chị Y mượn. Do các quán hát có nhu cầu gọi nhân viên nên chị X cùng các nhân viên khác đi làm, chỉ còn anh V1 ở lại phòng trọ chơi. Đến 16h00' cùng ngày, Q đến phòng trọ thấy chị Y đang cầm điện thoại, Q hỏi chị Y điện thoại của ai, chị Y nói điện thoại của anh V1, vì Q sợ chị Y đăng E tình lên facebook vợ Q ghen, nên Q đi lại giật điện thoại của chị Y đang cầm mang vào trong phòng của Q ngủ để ở đó. Khoảng 23h00' cùng ngày, Q và L đang ngủ thì có tin nhắn từ Zalo có tên trong danh bạ là “anh P1” (tên đầy đủ là Hà Trọng P1, sinh năm 1990 cùng thôn với anh V1 - là anh họ của V1) đến Zalo của anh V1 với nội dung “trên này anh có 4 đứa rồi chú gọi thêm 4 đứa để anh với chú xuống Hà Nội làm”. Sau khi đọc được nội dung tin nhắn, Q cho L xem. Lúc này, Q và L cho rằng mục đích anh V1 xuống chơi là để dụ dỗ nhân viên của Q đi làm nơi khác nên Q đã chụp lại màn hình máy của V1 rồi gửi qua tin nhắn facebook sang điện thoại của Q, sau đó Q đăng lên tài khoản Facebook của Q rồi đi ngủ. Sáng ngày 13/5/2018, O vào Facebook xem trên bảng tin thấy Facebook của Q đăng bức ảnh chụp nội dung tin nhắn như trên thì O vào bình luận hỏi Q “có chuyện gì thế anh” thì Q bảo “thằng V1 định dẫn nhân viên của anh đi”. Sau đó, Q gọi

điện thoại cho O bảo O lên phòng trọ của Q và được O đồng ý. Khi đã nói chuyện với O xong Q rủ L đi sang quán bia S1 (ở cạnh phòng trọ của Q) để uống bia. Khoảng 09h00' ngày 13/5/2018, O lên đến phòng trọ của Q, thấy có anh V1 cùng các chị X, Y, V, A và P ở trong phòng, sau đó anh V1 và chị X đi sang quán cắt tóc gội đầu V1 (ở đối diện phòng trọ của Q) để chị X đi gội đầu thì O đi sang quán bia S1 gặp Q nói “chúng nó xin đi cắt tóc”, Q bảo O “ra bảo chúng nó về, tao đi có việc, tí tao về nói chuyện sau”. Nghe Q nói vậy, O sang quán cắt tóc bảo “S, hai đứa về ngay” (Q và O gọi chị X là S) nhưng cả hai không về. Lúc này Q và L đi taxi đến, Q ngồi trong xe quát “hai đứa mày về ngay” rồi Q bảo L xuống xe bảo anh V1, chị X đi về. L đồng ý xuống xe và nói “chúng mày về đi tý anh Q về”. Nghe thấy vậy, biết Q, L bắt về phòng trọ nên cả anh V1 và chị X đi theo O, L, Q về phòng trọ. Do có việc phải đi, sợ anh V1 rủ chị X bỏ trốn nên Q bảo O khóa cửa ngoài lại mục đích để giữ anh V1 và chị X không cho đi đâu, nghe Q nói vậy O lấy khóa (loại khóa Việt Tiệp) khóa cửa phòng lại, sau đó O lên xe taxi đưa chìa khóa cho Q rồi cả ba người cùng đi lên xã Q1, huyện Đ có việc. Đến khoảng 11h00' cùng ngày, khi cả ba người về đến phòng trọ, Q gọi chị X vào phòng của Q hỏi chị X “em có làm gì sai với anh không” chị X nói “em không làm gì sai với anh cả”. Nghe chị X trả lời vậy, Q gọi anh V1 vào rồi Q cho anh V1 và chị X xem nội dung tin nhắn trong máy anh V1, gửi đến từ zalo có tên là “anh P1” với nội dung “anh có 4 đứa rồi chú gọi thêm 4 đứa để anh với chú xuống Hà Nội làm”, rồi Q đưa trả chiếc điện thoại Iphone 5 cho anh V1, lúc này anh V1, chị X không ai nói gì. Sau đó Q cùng O, L, chị V, chị Y, chị A và chị P ngồi ăn cơm còn anh V1, chị X không ăn ngồi trên giường. Sau khi ăn cơm xong, O lấy xe chở chị Y, chị P, chị A và chị V đi làm, rồi đi về phòng trọ của Q thì thấy Q, L đang hỏi chị X, anh V1 về nội dung tin nhắn trên, thì cả hai vẫn trả lời không biết. Q bức tức, nháy mắt ra hiệu cho O (ý Q bảo O đánh anh V1) O hiểu ý liền lao đến tát 01 cái vào mặt và dùng đầu gối thúc 01 cái vào bụng anh V1 nhưng không bị thương tích gì. Sau đó, Q bảo O và L “trông giữ chúng nó cẩn thận, hết giờ khóa cửa lại”, ý Q bảo O và L trông giữ anh V1 và chị X không được để họ bỏ trốn thì O hiểu ý nên đi theo chị X, anh V1 ra phòng nhân viên. Tại đây, chị X và anh V1 ngồi ở phản (giáp với phòng của Q) còn O ngồi ở phản giáp cửa ra vào để trông giữ anh V1 và chị X, còn Q và L ở trong phòng của Q trông giữ chị X, anh V1 bằng cách giám sát qua 02 camera (01 camera lắp hướng vào trong phòng trọ của Q, 01 camera lắp hướng ra ngoài đường) kết nối trực tiếp với điện thoại Iphone 6 Plus của Q. Đến 18h00' cùng ngày, Q bảo O gọi anh V1, chị X vào phòng của Q để nói chuyện, Q yêu cầu anh V1, chị X phải nói thật nhưng cả hai vẫn trả lời không biết gì. Lúc này anh V1, chị X xin Q cho anh V1 về nhà trước nhưng Q không đồng ý còn dọa anh V1 “mày cứ hỏi cái S thì biết, có đứa đến đây dụ dỗ nhân viên của tao đã bị đánh thừa sống thiếu chết, lại còn bị phạt 40.000.000đ” rồi Q bảo anh V1 “muốn về thì gọi thằng P1 xuống đây”. Nghe Q nói vậy, anh V1 dùng điện thoại

đen trắng của mình gọi điện thoại cho anh P1 thì anh P1 nghe máy, anh V1 đưa điện thoại cho Q nói chuyện với anh P1, Q nói “sáng 14/5/2018 xuống nói chuyện với Q” rồi Q tắt máy và trả điện thoại cho anh V1. Sau đó các quán hát gọi nhân viên, Q bảo chị Y, chị V, chị A và chị P đi làm còn không cho chị X đi. O lấy xe chở các chị Y, P, A và V đi làm. Sau khi O đưa mọi người đi làm thì L khóa cửa lại rồi cầm chìa khóa vào phòng của Q cất.

Đêm ngày 13/5/2018, O nhiều lần đưa nhân viên đi làm rồi đón nhân viên về phòng trọ, Q chỉ đạo L mở cửa cho O đưa nhân viên đi và khi O đón nhân viên về, sau khi khóa cửa xong thì cầm chìa khóa vào trong phòng của Q cất, L đồng ý. Sợ chị X, anh V1 bỏ trốn nên L cùng với Q ở trong phòng tiếp tục giám sát chị X, anh V1 qua camera, nếu cả hai có ý định bỏ trốn thì sẽ bị bọn Q giữ lại. Đến 08h00' ngày 14/5/2018, Q yêu cầu anh V1 gọi điện cho anh P1 hỏi xem anh P1 đi chưa nhưng anh V1 không liên lạc được, sau đó anh V1 lén dùng điện thoại của anh V1 (có số thuê bao 0961676231) và điện thoại của chị X (có số thuê bao 0961027922) nhắn tin cho anh rể của V1 là Hà Văn D1, sinh năm 1990 ở cùng thôn (có số thuê bao 0983729475) nói về việc anh V1 và chị X bị Q, O và L giữ không cho về nhờ anh D1 báo Công an. Đến khoảng 11h00' cùng ngày, anh V1, chị X xin phép Q đi ra ngoài ăn cơm nhưng Q sợ cả hai bỏ trốn nên không cho đi, Q bảo chị X đi sang quán đối diện phòng trọ của Q mua cơm rang và bảo O ra đứng ở cửa phòng trọ (giáp đường) giám sát không cho chị X bỏ trốn. Sau khi mua được cơm chị X đi về phòng trọ ăn cùng anh V1. L và Q vẫn ở trong phòng theo dõi qua camera, còn O nằm ở phản giáp cửa ra vào để trông giữ anh V1, chị X. Đến 16h00' cùng ngày, Q hỏi chị X, anh V1 là P1 xuống chưa và bảo anh V1 gọi điện cho anh P1 nhưng vẫn không liên lạc được. Q bảo L ở lại tiếp tục trông giữ anh V1, chị X còn Q và O về nhà Q lấy 02 con dao quắm, sau đó cả hai đi ra chợ H, Q mua áo và 01 con dao quắm mang về để ở gầm giường trong phòng Q. Đến 17h00', Q tiếp tục gọi anh V1, chị X vào phòng của Q để nói chuyện thì O, L cũng đi vào. Tại đây, Q hỏi anh V1, chị X “P1 xuống đến đâu rồi” chị X trả lời “anh P1 xuống gần đến nơi rồi ạ”, sau đó Q và O thay nhau hỏi chị X, anh V1 về nội dung tin nhắn nhưng cả hai vẫn trả lời không biết, O bực tức cầm 01 thắt lưng da của Q để ở giường vụt 01 phát vào lưng anh V1 nhưng không bị thương tích gì, thấy anh V1 bị đánh chị X lao vào can ngăn, Q bảo O thôi, thì O không đánh anh V1 nữa. Sau đó O đi về nhà còn Q, L ở lại tiếp tục trông giữ anh V1, chị X. Đến khoảng 18h00' cùng ngày, Q bảo chị L, chị Y, chị V, chị P, chị A, anh V1 và chị X ra quán S1 bên cạnh phòng trọ uống bia. Khi ra đến quán bia S1 sợ anh V1, chị X bỏ trốn thì Q chỉ anh V1, chị X phải ngồi phía trong giáp tường và bảo L và O đến ngồi cạnh để trông giữ không cho anh V1, chị X bỏ trốn. Đúng lúc này thì anh D1 trình báo Công an đến giải cứu và đưa anh V1, chị X về trụ sở Công an huyện Đ để làm rõ sự việc anh V1, chị X đã bị Q và đồng phạm giữ trái phép. Do sợ bị cơ quan Công an bắt giữ nên Q bỏ trốn.

Ngày 15/5/2018, cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp phòng trọ của Trần Văn Q, quá trình khám xét đã tạm giữ 01 chiếc thắt lưng nam; 03 con dao quắm; 02 ổ khóa Việt Tiệp, 02 camera không có nhãn mác.

Tại bản kết luận giám định số 1204/KLGD ngày 29/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: 02 chiếc camera không dây wifi gửi giám định không có thiết bị lưu dữ liệu (thẻ nhớ Micro SD) gắn bên trong nên không có khả năng lưu trữ dữ liệu vì vậy không trích xuất được dữ liệu theo yêu cầu giám định.

Quá trình điều tra xác định: Trong quá trình Q, O, L giữ anh V1 và chị X, O đã dùng tay tát vào mặt anh V1, dùng đầu gối thúc vào bụng anh V1 và dùng thắt lưng vụt 01 cái vào người anh V1 nhưng không gây thương tích gì nên anh V1 không yêu cầu đề nghị xử lý Q và O về hành vi cố ý gây thương tích và không yêu cầu, đề nghị gì về dân sự nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chị Lò Thị Y, chị Lò Thị V và Vũ Thị Nhã P, từ ngày 13 đến ngày 14/5/2018, quá trình Q, L, O giữ anh V1, chị X tại phòng trọ của Q nhưng các chị vẫn ăn uống, sinh hoạt và đi làm bình thường. Do các chị đi làm đêm về mệt nên thường ngủ ngày, việc Q cùng L, O giữ anh V1, chị X tại phòng trọ các chị không để ý. Mặc dù ở cùng phòng trọ nhưng khi Q, L, O gọi anh V1, chị X vào phòng của Q rồi đóng cửa lại hỏi anh V1, chị X giải thích về tin nhắn Zalo có lúc các chị ngủ có lúc các chị đi làm nên các chị không biết. Việc Q, L, O giữ anh V1, chị X trái phép các chị Y và V không biết nên cơ quan điều tra không đề cập, xử lý đối với Y và V.

Đối với nhân viên nữ tên là A, do Q không biết địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh và không đề cập xử lý.

Đối với anh Tạ Văn B là người cho Q thuê nhà trọ để Q cho nhân viên ở, từ ngày 13/5/2018 đến ngày 14/5/2018, Q sử dụng nhà trọ để giữ V1 và X trái phép, anh Thủy không biết nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Thủy.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02 tháng 8 năm 2018.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo khác; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 12 năm 2018 bị cáo Trần Văn Q có đơn kháng cáo đề nghị xem xét về tội danh và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 65/2018/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ theo hướng áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự về tội nhẹ hơn và giảm hình phạt cho các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo phạm tội “Giữ người trái pháp luật”. Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù; bị cáo Nguyễn Duy L từ 02 năm tù đến 02 năm 03 tháng tù; bị cáo Lê Văn O từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung vì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không có sự việc phạm tội. Cụ thể đó là: Tài liệu trong hồ sơ vụ án có sự mâu thuẫn giữa lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng nhưng chưa được đấu tranh làm rõ để triệt tiêu mâu thuẫn này; chưa làm rõ có sự tồn tại hay không việc anh Hà Trọng P1 nhắn tin cho anh V1 mà đây là việc cơ quan điều tra tạo dựng nên người là anh P1 để lấy nguyên cớ bắt giữ, tạo ra vụ án đối với Q và đồng phạm nhằm mục đích trả thù. Do đó không có việc bị cáo Trần Văn Q và các đồng phạm giữ trái pháp luật người bị hại và việc các bị cáo khai trong quá trình điều tra là do bị các điều tra viên ép cung, dùng nhục hình, đánh đập và lo sợ tính mạng bị đe dọa nên mới khai theo sự chỉ dẫn của điều tra viên; quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã bị điều tra viên đánh đập nên đã có báo cáo sự việc đến cơ quan quản lý nhà tạm giữ tại Công an huyện Đ và Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo bị đánh đập dẫn đến phải đi cấp cứu tại bệnh viện mà trong hồ sơ không thể hiện sự kiện này; các tài liệu, chứng cứ mới thu thập theo yêu cầu của Hội đồng xét xử phúc thẩm không hợp pháp với lý do vụ án đang giải quyết giai đoạn phúc thẩm thì không thuộc thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn Q có quan điểm hoàn toàn đồng ý với luận cứ do Luật sư bào chữa đưa ra mà không có bổ sung gì. Bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét minh oan cho bị cáo vì bị cáo không thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật như cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Văn Q, Lê Văn O và bị cáo Nguyễn Duy L khai nhận rõ toàn bộ về hành vi phạm tội của mình như

truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ. Các bị cáo thừa nhận đã có hành vi giữ người trái pháp luật đối với anh Hà Đức V1 và chị Quàng Thị X vào ngày 13/5/2018 đến ngày 14/5/2018 tại khu vực nhà trọ do Q thuê ở thôn Ê, xã H, huyện Đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm chỉ có bị cáo O thừa nhận hành vi phạm tội; các bị cáo Q, L chỉ thừa nhận hành vi Q chỉ đạo và O, L gọi chị X, anh V1 về nhà trọ khóa cửa nhằm mục đích là trông giữ tài sản tránh bị mất trộm, không nhằm mục đích hạn chế quyền tự do của anh V1, chị X. Bị cáo Q, bị cáo L đồng loạt không nhận tội, không nhận thức được hậu quả của hành vi. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Q, O và L đều không thừa nhận hành vi giữ trái phép anh V1, chị X mà cho rằng việc đóng cửa nhằm mục đích bảo vệ tài sản. Các bị cáo Q, O và L đều lý giải cho việc tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận tội là do quá trình điều tra bị các điều tra viên ép cung, đánh đập vì sợ tính mạng bị xâm phạm nên mới khai theo sự chỉ dẫn của điều tra viên.

Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật như: Lời khai của chính các bị cáo trong quá trình giải quyết vụ án; lời khai của người bị hại là anh Hà Đức V1, chị Quàng Thị X; lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được Cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật kết hợp với xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định bị cáo Trần Văn Q và đồng phạm đã thực hiện hành vi hạn chế quyền tự do của người khác.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo Trần Văn Q tại phiên tòa và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn Q về tội “Giữ người trái pháp luật” theo Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật không oan sai.

Về tính chất của vụ án là tội phạm nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tự do thân thể của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Xét về kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Văn Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bao gồm: Biên bản giao nhận quyết định khởi tố bị can; biên bản giao nhận quyết định phê chuẩn khởi tố bị can; biên bản giải thích quyền và nghĩa vụ của người tạm giữ; biên bản giao nhận quyết định tạm giữ, tạm giam; biên bản ghi lời khai, bản tự khai bị cáo Trần Văn Q đều xác nhận đồng ý và không ý kiến gì. Các lời khai của bị cáo Trần Văn Q trong hồ sơ vụ án nhiều lần thể hiện rõ: Do nghi ngờ anh V1 cấu kết cùng chị X dụ dỗ nhân viên của Q đi làm chỗ khác, ảnh hưởng đến công việc của Q nên Q chỉ đạo và trực tiếp cùng bị cáo O, L giữ anh V1 và chị

X tại nhà trọ, yêu cầu người nhà anh V1 phải xuống nói chuyện mới cho về; lời khai của bị cáo Nguyễn Duy L từ bút lục 222 đến 258; từ 365 đến 368; lời khai của bị cáo Lê Văn O từ bút lục 259 đến 303; từ 348 đến 350; từ 369 đến 373 đều thừa nhận việc tiếp nhận ý chí từ bị cáo Q, trực tiếp quát, đe dọa, chửi bới, đánh anh V1 và chị X.

Lời khai của chị Quảng Thị X tại bút lục 153, từ 173 đến 187; lời khai của anh Hà Đức V1 tại bút lục 150, từ 160 đến 172 đều thể hiện: Chị X mới đến làm nhân viên cho Q, khi anh V1 đến chơi với chị X và bị Q hiểu nhầm là V1 và X bàn nhau đưa nhân viên của Q đi làm chỗ khác nên mới tra hỏi, giữ anh V1, chị X từ ngày 13/5 đến chiều tối ngày 14/5/2018. Lời khai của những người làm chứng là: Lò Thị V, Lò Thị Y, Vũ Thị Nhã P đều xác nhận việc chỉ thấy chị X và anh V1 quanh quẩn tại nhà trọ trong khoảng thời gian từ sáng ngày 13/5/2018 đến chiều tối 14/5/2018. Tổng hợp những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan đúng pháp luật được tranh tụng tại phiên tòa và những tài liệu, chứng cứ được thu thập theo yêu cầu của Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ xác định Trần Văn Q và đồng phạm thực hiện hành vi xâm phạm quyền tự do của người khác được pháp luật bảo vệ. Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố xét xử bị cáo Trần Văn Q về đồng phạm về tội “giữ người trái pháp luật” theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng pháp luật, không oan sai. Do vậy việc bị cáo Trần Văn Q cho rằng không thực hiện hành vi phạm tội không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Xét việc các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo Trần Văn Q, **Lê Văn O** và Nguyễn Duy L về tội “Giữ người trái pháp luật” với tình tiết “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Người bị hại Quảng Thị X là nhân viên phục vụ dưới sự quản lý của Q, được Q bố trí làm nhiệm vụ bấm bài, rót bia tại các quán karaoke khi có khách yêu cầu, chị X được Q thuê nhà của anh Tạ Văn B ở thôn Ê, xã H, huyện Đ làm nơi ăn, ngủ, nghỉ cho chị X và các nhân viên tại đó. Trong khoảng thời gian từ ngày 13/5/2018 đến ngày 15/5/2018 chị Quảng Thị X vẫn sinh hoạt tại nhà của anh Tạ Văn B là nơi Q thuê cho chị X cùng các nhân viên làm chỗ ở. Trong thời gian này chị Quảng Thị X không bị Q tước mất quyền tự do về thân thể, chị X vẫn được tự do đi lại, vẫn có nhiều sự lựa chọn (cụ thể: Chị X vẫn đi mua cơm, vẫn ăn cơm cùng anh V1, Q bảo chị X đi làm nhưng chị X không đi làm mà tự nguyện ở lại nhà...). Do đó việc các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Trần Văn Q và đồng phạm về tội về tội “Giữ người trái pháp luật” với tình tiết “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 là chưa phù hợp. Trong vụ án này, các bị cáo Trần Văn Q, Lê Văn O và Nguyễn Duy L chỉ thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật đối với anh Hà Đức V1 mà không thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật đối với chị Quảng Thị X. Do vậy, hành vi của các bị cáo Trần Văn Q, Lê Văn O và Nguyễn Duy L thực hiện đã phạm vào tội “Giữ người

trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử các bị cáo Trần Văn Q, Lê Văn O và Nguyễn Duy L về tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm hình phạt cho các bị cáo.

[5] Xét về quan điểm của bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

- Bị cáo Trần Văn Q luôn cho rằng việc khai nhận tội trước đây là do bị Điều tra viên đánh đập, ép cung, dùng nhục hình nên mới khai không đúng sự thật mà không có căn cứ gì chứng minh; lời khai của bị cáo trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa hoàn toàn mâu thuẫn với chính lời khai của bị cáo Q, lời khai của đồng phạm khác; lời khai của người bị hại, lời khai người liên quan, người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án. Các tài liệu được thu thập theo yêu cầu của Hội đồng xét xử phúc thẩm thể hiện bị cáo Q có nhập viện và theo hồ sơ bệnh án là đau đầu không rõ nguyên nhân, hồ sơ bệnh án cũng thể hiện không có thương tích gì nên việc Q cho rằng bị điều tra viên đánh đập dẫn đến thương tích là không có cơ sở. Các tài liệu được thu thập trong giai đoạn xét xử phúc thẩm tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ, Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc đều thể hiện không có việc các bị cáo Q, L, O bị đánh đập trong quá trình điều tra, quá trình tạm giam, tạm giữ. Do vậy việc bị cáo và Luật sư bào chữa của bị cáo cho rằng các Điều tra viên có hành vi đánh đập, bức cung dùng nhục hình là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Những lời khai của anh Hà Trọng P1, Hà Văn D1, chủ quán cơm, chủ quán bia được cơ quan điều tra bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng xét xử đã thể hiện rõ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập trước khi xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở xác định Trần Văn Q cùng đồng phạm thực hiện hành vi giữ trái phép dẫn đến hạn chế quyền tự do của anh V1. Do vậy bị cáo Trần Văn Q và Luật sư bào chữa cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

- Về việc Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị giám định chữ ký của anh Hà Trọng P1 tại bút lục 20, 21 để xác định tài liệu nào là sự thật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nội dung trong hai tài liệu này hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với các biên bản làm việc của cơ quan điều tra Công an huyện Đ tại địa P nơi anh P1 cư trú; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định sự thật khách quan của vụ án nên việc giám định tài liệu này là không cần thiết. Do đó Luật sư cho rằng một trong hai tài liệu trên không phải là chữ ký của anh Hà Trọng P1 mà không đưa ra được tài liệu, căn cứ gì chứng minh nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

- Về tính hợp pháp của các tài liệu do cơ quan điều tra Công an huyện Đ thu thập theo yêu cầu của Hội đồng xét xử phúc thẩm: Bộ luật Tố tụng hình sự quy định Hội đồng xét xử có quyền yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Trong vụ án này, thông qua việc xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thấy có những nội dung chưa được cấp sơ thẩm làm rõ nên đã có văn bản yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh

Phúc bổ sung tài liệu, chứng cứ dùng làm căn cứ giải quyết vụ án. Trên cơ sở yêu cầu của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có văn bản yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ xác minh, thu thập chứng cứ theo những nội dung do Hội đồng xét xử phúc thẩm yêu cầu. Sau khi nhận được văn bản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ tiến hành xác minh, thu thập đầy đủ đúng trình tự tố tụng những tài liệu, chứng cứ dùng làm căn cứ giải quyết vụ án. Bộ luật tố tụng hình sự không quy định khi vụ án đang giải quyết ở cấp phúc thẩm thì cấp phúc thẩm phải thu thập tài liệu, chứng cứ và không cấm cơ quan tố tụng cấp sơ không được xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho rằng tài liệu do cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm thu thập theo yêu cầu của Hội đồng xét xử phúc thẩm là không hợp pháp mà không đưa ra được căn cứ gì nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Văn Q, sửa bản án sơ thẩm, xét xử bị cáo Trần Văn Q và đồng phạm về tội “giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ cần chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Trần Văn Q không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 357; Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2018/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Q, Lê Văn O và Nguyễn Duy L phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

- Bị cáo Trần Văn Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 02/8/2018.

- Bị cáo Lê Văn O 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 18/5/2018.

- Bị cáo Nguyễn Duy L 02 (hai) năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 26/6/2018.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Trần Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn